

Án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2023
“ V/v ly hôn, nuôi con chung ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Thuỷ

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Đình Động** - Trường THCS xã Quang Vinh
Bà **Dương Thị Thu Hồng** - HPN xã Cẩm Ninh

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký toà án huyện Ân Thi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:

Bà **Nguyễn Thị Hữu** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/12/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Mạc Thị L, sinh năm: 1997 (*Vắng mặt*)

Trú tại. thôn M, xã Đ, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1999 (*Vắng mặt*)

HKTT: Thôn C, xã S, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- *Người có quyền lợi liên quan*: Cháu Mạc Tường V, sinh năm 2018

Cháu Nguyễn Gia H, sinh năm 2021

Cháu Nguyễn Thảo B, sinh năm 2022

Người đại diện cho cháu V, cháu H và cháu Anh: Chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của chị Mạc Thị L, anh Nguyễn Mạnh H trong quá trình tố tụng thể hiện:

Chị và anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2018 đến ngày 06/7/2020 hai người mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Ân Thi. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu tình cảm vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc, anh chị có thời gian chung sống với mẹ đẻ chị là bà Nguyễn Thị S. Tuy nhiên thời gian sau anh H mải chơi, hay đàn đúm bạn bè ăn nhậu có vay nợ người khác. Anh H đã trộm vàng của mẹ chị để trả nợ, mẹ chị không chấp nhận nên đuổi hai vợ chồng đi không cho ở cùng. Do đó, tháng 5/2021 vợ chồng về sống cùng gia đình anh H ở tại

thôn C, xã S. Sau khi về quê, anh H vẫn không chịu làm ăn, không quan tâm vợ con, con ốm anh H cũng bỏ mặc, anh H đi suốt đêm không về. Do cuộc sống khó khăn nên chị đã mang con về lại Hải Dương sống cùng mẹ đẻ anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2021 đến nay. Từ khi ly thân anh H không quan tâm hay hỏi han gì đến vợ con, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa, chị đề nghị Tòa giải quyết việc ly hôn để ổn định cuộc sống. Còn theo anh H thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đáng kể do anh mãi chơi ít quan tâm vợ con, anh có mối quan hệ xã hội phức tạp nên mẹ vợ không hài lòng. Tháng 5/2021, vợ chồng thanh lý cửa hàng và về quê anh sống cùng bố mẹ anh. Tháng 8/2021 vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay. Nếu chỉ L kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Mạc Tường V sinh ngày 30/11/2018, Nguyễn Gia H sinh ngày 21/01/2021 và Nguyễn Thảo B sinh ngày 08/3/2022. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H nhất trí để chị L nuôi các con do công việc của anh chưa ổn định.

Về tài sản chung, công sức: Chị L, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai của người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị S - mẹ đẻ của chị L: Anh H và chị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống anh H mãi chơi, lười làm và không quan tâm gì đến vợ con. Anh ta hay cờ bạc và tụ tập bạn bè ăn chơi mang nợ cả về nhà. Anh H còn lấy trộm vàng của bà đi trả nợ ăn chơi sau đó có lần còn gọi cả bố mẹ đẻ đến trả nợ thay. Bà không chấp nhận việc có người con rể như vậy ở cùng nên hai vợ chồng dặt nhau về nhà anh H ở S, Ân Thi sống. Khi về nhà bà được nghe L kể lại anh H vẫn mãi chơi không chịu làm, không quan tâm gì đến vợ con để con cái nheo nhóc khổ sở. Vợ chồng hay cãi nhau, khổ cực nên L lại bế con về nhà sống với bà vào khoảng tháng 8/2021. Nay chị L có đơn ly hôn, bà xác định vợ chồng H L không chung sống được cùng nhau nên cũng đề nghị toà án giải quyết cho chị L ly hôn anh H.

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị N - bố mẹ đẻ của anh H: Anh H và chị L kết hôn có thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Trước khi kết hôn hai anh hị có thời gian chung sống như vợ chồng vì gia đình vợ H không đồng ý và có một con chung là cháu V. Sau đó khi có cháu V thì vợ chồng mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị L sinh sống và làm ăn bên quê nhà chị L. Quá trình chung sống H mãi chơi, hay vắng nhà và ít quan tâm vợ con nên gia đình chị L không đồng ý. Tháng 5/2021, anh H chị L về S, Ân Thi chung sống cùng ông bà. Sau khi về thì anh H vẫn không thay đổi tính, ít quan tâm vợ con và mãi chơi nên vợ chồng mâu thuẫn. Tháng 8/2021 chị L bỏ đi và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị L có đơn ly hôn, ông bà không mong muốn nhưng không khuyên được nên để vợ chồng anh chị tự giải quyết, ông bà không tham gia.

Xác minh tại UBND xã S: Anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã S, huyện Ân Thi. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 06/7/2020. Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị L chủ yếu sinh sống bên Hải Dương nên mâu thuẫn vợ chồng Ủy ban xã không nắm được cụ thể. Chị L có

thời gian về nhà anh H chung sống vài tháng nhưng sau đó thì vợ chồng ly thân đến nay. Chị L có đơn yêu cầu ly hôn. Quan điểm của Ủy ban xã đề nghị toà giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, triệu tập nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ được thực hiện đúng quy định tại Điều 96, 97 BLTTDS.

- Về trình tự thụ lý vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 BLTTDS, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS.

- Về thực hiện thủ tục hòa giải và chuẩn bị xét xử: Tòa án đã thực hiện việc thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho nguyên đơn; bị đơn, tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật TTDS

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập họp để hòa giải và triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã vi phạm quy định khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mạc Thị L.
- Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Mạc Tường V, sinh ngày 30/11/2018, cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/01/2021 và cháu Nguyễn Thảo B, sinh ngày 08/3/2022 đến khi trưởng thành. Ghi nhận tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung;
- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: chị L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của KSV tham gia phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là chị Mạc Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Mạnh H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H hiện đang cư trú tại: thôn C, xã S, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

[2.1] *Về việc kết hôn*: Chị L và anh H xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên đảm bảo các điều kiện về kết hôn. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] *Về mâu thuẫn vợ chồng*: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cũng như người làm chứng là hai bên gia đình đều thừa nhận vợ chồng anh H chị L có mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được xác định là do anh H mãi chơi, không chịu khó làm ăn, không quan tâm vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2021 đến nay không ai quan tâm đến ai và cũng không hàn gắn lại được tình cảm, nay chị L kiên quyết xin ly hôn, anh H nhất trí. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không chung sống, không quan tâm nhau và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được nay vợ chồng đã thuận tình ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3] *Về con chung*: chị L và anh H có ba con chung là cháu Mạc Tường V, sinh ngày 30/11/2018, cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/01/2021 và cháu Nguyễn Thảo B, sinh ngày 08/3/2022. Hiện các cháu đang ở cùng chị L, vợ chồng ly hôn, chị L đề nghị được nuôi dưỡng ba con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét nguyện vọng của chị L thì thấy: Hiện các con chung của anh chị còn rất nhỏ, rất cần sự chăm sóc của mẹ, hiện tại các cháu đang sống ổn định cùng chị L. Anh H cũng nhất trí để chị L nuôi các con chung vì hiện nay anh chưa có việc làm ổn định. Do vậy, để đảm

bảo điều kiện sống, học tập cũng như môi trường trưởng phát triển tốt nhất cho các cháu, cần giao các con chung của anh chị cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L vì chị không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức: Chị L, anh H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, Điều 238, Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị L, xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao cho chị Mạc Thị L tiếp tục nuôi dưỡng các con chung là Mạc Tường V, sinh ngày 30/11/2018, Nguyễn Gia H, sinh ngày 21/01/2021 và Nguyễn Thảo B, sinh ngày 08/3/2022 đến khi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L. Sau khi ly hôn, anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003227 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ân Thi;
- UBND xã S;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thuỷ